

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI CHÂU ĐỨC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Tầng 9. Cao ốc Sonadezi. Số 1. đường 1. KCN Biên Hòa 1. P. An Bình. TP. Biên Hòa. T. Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
TÀI SẢN				
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		236.385.663.373	334.846.091.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.920.639.016	18.738.677.630
1. Tiền	111	5.1	8.920.639.016	3.738.677.630
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	150.000.000.000	250.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		150.000.000.000	250.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.213.397.120	60.277.664.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.132.443.651	32.641.067.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.206.319.803	12.633.236.099
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	13.874.633.666	15.003.361.444
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		925.704.075	1.145.678.800
1. Hàng tồn kho	141	5.5	925.704.075	1.145.678.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.325.923.162	4.684.070.054
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.500.000	12.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.154.034.591	4.606.181.483
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		65.388.571	65.388.571
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.577.904.434.982	1.485.964.018.044
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		168.101.010	168.101.010
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		168.101.010	168.101.010
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		328.797.312.477	333.462.711.060
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	328.140.153.913	332.646.844.276
- Nguyên giá	222		369.610.099.345	369.552.104.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.469.945.432)	(36.905.260.169)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	657.158.564	815.866.784
- Nguyên giá	228		5.471.259.780	5.471.259.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.814.101.216)	(4.655.392.996)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	50.801.696.797	51.395.371.172
- Nguyên giá	231		476.067.168.328	476.067.168.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(425.265.471.531)	(424.671.797.156)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.147.976.096.718	1.050.188.447.725
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	1.147.976.096.718	1.050.188.447.725
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.018.125.000	45.018.125.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	45.018.125.000	45.018.125.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.143.102.980	5.731.262.077
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	5.143.102.980	5.731.262.077
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.814.290.098.355	1.820.810.109.227

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
NGUỒN VỐN	299			
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		749.709.196.090	731.090.389.526
I. Nợ ngắn hạn	310		127.237.318.481	115.383.123.182
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	26.228.313.937	36.316.286.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.202.188.750	484.893.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	634.267.405	851.141.943
4. Phải trả người lao động	314		879.748.483	1.117.353.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14		45.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	52.107.606.755	15.713.807.118
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	37.842.583.441	55.592.683.441
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.342.609.710	5.261.956.975
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính Phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		622.471.877.609	615.707.266.344
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.12	19.918.025.000	19.918.025.000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	52.063.593.750	47.746.125.000
7. Phải trả dài hạn khác	337		2.704.142.515	257.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	547.786.116.344	547.786.116.344
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.064.580.902.265	1.089.719.719.701
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	1.064.580.902.265	1.089.719.719.701
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.407.250.000	5.407.250.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái(*)	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.885.884.756	28.885.884.756
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.141.942.378	11.141.942.378
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.145.825.131	44.284.642.567
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.387.567	144.705.022
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.103.437.564	44.139.937.545
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.814.290.098.355	1.820.810.109.227

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đồng Nai, ngày 17... tháng 7 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC





ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG

NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

NGUYỄN VĂN TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý		
			Năm Nay	Năm Trước	Năm Nay	Năm Trước	
			(4)	(5)	(5)	(5)	
(1)	(2)	(3)					
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.1	20.122.673.667	28.798.850.282	39.551.552.355	44.955.264.839	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2						
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	6.1	20.122.673.667	28.798.850.282	39.551.552.355	44.955.264.839	
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	7.751.182.009	15.202.765.112	15.074.540.807	20.036.407.146	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		12.371.491.658	13.596.085.170	24.477.011.548	24.918.857.693	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.273.632.263	4.187.111.795	7.779.254.234	7.649.075.286	
7. Chi phí tài chính	22		3.037.232.466	3.561.734.892	5.790.523.311	6.842.865.642	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.037.232.466	3.561.734.892	5.790.523.311	6.842.865.642	
8. Chi phí bán hàng	25		283.600.014	131.181.817	416.041.649	304.818.180	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	3.294.000.490	2.731.413.218	6.073.531.980	5.386.672.017	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		10.030.290.951	11.358.867.038	19.976.168.842	20.033.577.140	
11. Thu nhập khác	31		1.200.963		3.200.963		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.200.963		3.200.963		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		10.031.491.914	11.358.867.038	19.979.369.805	20.033.577.140	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	438.538.346	2.973.875.982	875.932.241	3.347.611.487	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(1.497.916.569)		(1.497.916.569)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.592.953.568	9.882.907.625	19.103.437.564	18.183.882.222	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		96	89	191	164	

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2017



NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

NGUYỄN VĂN TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Quý 2/2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm Nay	Năm Trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		-	-	-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	30.494.723.837	63.862.554.066	66.712.093.309	104.371.948.062
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(3.155.093.794)	(2.145.743.208)	(6.272.458.489)	(4.189.003.268)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(5.263.101.386)	(5.508.505.455)	(10.842.699.376)	(11.514.801.722)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(11.005.478.582)	(11.253.144.357)	(23.879.603.423)	(22.561.449.944)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(301.219.662)	(1.871.652.074)	(1.180.019.532)	(5.979.597.376)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	15.152.764.761	7.224.904.138	22.811.199.946	33.426.876.477
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(15.487.272.689)	(15.452.060.551)	(28.648.215.249)	(28.313.830.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.435.322.485	34.856.352.559	18.700.297.186	65.240.141.504
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		-	-	-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.332.108.854)	(107.035.110.663)	(86.924.414.903)	(158.798.085.314)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	100.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.273.354.904	4.187.111.795	9.022.704.653	15.107.408.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.058.753.950)	(172.847.998.868)	22.098.289.750	(213.690.676.695)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-	-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	97.010.190.122	-	141.529.544.445

Chi tiêu	Mã số	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm Nay	Năm Trước
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.750.000.000)	(11.667.100.000)	(17.750.100.000)	(23.334.200.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.803.431.550)	-	(7.866.525.550)	(1.317.536.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.553.431.550)	85.343.090.122	(25.616.625.550)	116.877.807.665
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(19.176.863.015)	(52.648.556.187)	15.181.961.386	(31.572.727.526)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	53.097.502.031	359.522.122.560	18.738.677.630	338.446.293.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	33.920.639.016	306.873.566.373	33.920.639.016	306.873.566.373

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, Đường 1, KCN
Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017
Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600899948 ngày 26 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 1.000.000.000.000 VND

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 171 (31/12/2016: 169).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư;
- Khảo sát, đo vẽ địa hình, khoan thăm dò địa chất;
- Tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng;
- Dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh cao ốc, văn phòng cho thuê, kho bãi;
- Mua bán, cho thuê nhà xưởng;
- Dịch vụ tư vấn bảo vệ môi trường.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Xí Nghiệp BOT Chi nhánh Khu công nghiệp Đô thị Châu Đức	Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Đường Hội Bài – Châu Pha – Đá Bạc, thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức- Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12;

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	07 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 12 năm

Đối với tài sản là đường BOT 768, Công ty trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài Chính như sau : thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Khấu hao được trích dựa trên diện tích đất đã cho thuê.

4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho khách hàng nhưng thực tế chưa hoàn tất giai đoạn đầu tư thì trích trước chi phí giá vốn cho thuê đất Khu công nghiệp được ghi nhận căn cứ vào các ước tính dựa trên quy định Nhà nước về định mức / dự toán trong ngành xây dựng.

4.12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này

4.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản;

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu tư vấn giám sát: khi cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành dựa trên biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng tư vấn giám sát với chủ đầu tư.

Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng: doanh thu cho thuê đất được ghi nhận khi Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với lỗ đất cho người mua và doanh thu được xác định một cách chắc chắn.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất động sản đầu tư trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác....

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20 %.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ưu đãi thuế TNDN đối với Xi nghiệp BOT:

Theo Nghị định 78/2007.NĐ-CP ngày 11 tháng 05 năm 2007 chương VII điều 35-1: Doanh nghiệp BOT được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như quy định với dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư. Ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp này được áp dụng trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án. Dự án được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được Nhà Nước giao hoặc được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án. Vì vậy, dự án BOT đường 768 sẽ được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10%, miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 8 hoạt động này kinh doanh có lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Ưu đãi thuế TNDN đối với Khu Công nghiệp Châu Đức :*

Công ty được hưởng các ưu đãi theo các điều khoản quy định trong Giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định về thuế đối với hoạt động của Khu công nghiệp Châu Đức và Khu đô thị Châu Đức, như sau:

Thuế suất thuế TNDN hàng năm bằng 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Trong những năm tiếp theo, thuế suất đơn vị áp dụng theo quy định của luật thuế hiện hành;

Miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 7 Công ty hoạt động có thu nhập chịu thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	818.900.188	841.264.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.101.738.828	2.897.412.930
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	33.920.639.016	18.738.677.630

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1,

Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng. Các khoản tiền gửi này được dùng để chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.15

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cp Sonadezi Long Bình	31.518.125.000	-	31.518.125.000	-
Công ty CP Cấp nước Châu Đức	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty CP DV Sonadezi	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Cộng	45.018.125.000	-	45.018.125.000	-

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình 31.518.125.000 VND tương đương 4,2% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi 1.500.000.000 VND tương đương 3% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Châu Đức 12.000.000.000 VND tương đương 9,2% vốn điều lệ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Diligo	9.073.268.028	-
Công ty TNHH Xây dựng công nghiệp và dân dụng Hợp Lực	1.309.575.705	6.855.982.270
Công ty TNHH Fullxin (Việt Nam)	1.796.040.570	6.679.968.750
Công ty TNHH COV Vina	13.700.235.341	19.037.353.012
Các khách hàng khác	253.324.007	67.763.124
	-	-
Cộng	26.132.443.651	32.641.067.156

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu ứng trước tiền bồi thường đất cho dân trong vùng quy hoạch khu công nghiệp	13.756.633.666	-	13.756.633.666	-
Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi	-	-	1.243.727.778	-
Phải thu khác	118.000.000	-	3.000.000	-
	-	-	-	-
Cộng	13.874.633.666	-	15.003.361.444	-
Dài hạn:				
Phải thu khác	168.101.010	-	168.101.010	-
	-	-	-	-
Cộng	168.101.010	-	168.101.010	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	394.087.276	-	395.657.490	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	531.616.799	-	658.021.310	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	92.000.000	-
Cộng	925.704.075	-	1.145.678.800	-

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án đường BOT 768	445.450.567	170.702.121
Dự án KCN Châu Đức - chi phí chuẩn bị đầu tư, tư vấn, xây dựng	296.864.562.194	201.632.395.968
Dự án KCN Châu Đức - chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	850.666.083.957	848.385.349.636
Cộng	1.147.976.096.718	1.050.188.447.725

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1,

Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	361.721.866.956	1.816.740.153	3.410.663.779	1.928.310.460	674.523.097	369.552.104.445
Mua trong kỳ	-	-	-	57.994.900	-	57.994.900
Tại ngày 30/06/2017 (*)	361.721.866.956	1.816.740.153	3.410.663.779	1.986.305.360	674.523.097	369.610.099.345
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	31.439.459.339	558.182.192	2.868.886.764	1.572.998.294	465.733.580	36.905.260.169
Khấu hao trong kỳ	4.238.549.053	76.524.174	177.823.524	57.921.894	13.866.618	4.564.685.263
Tại ngày 30/06/2017	35.678.008.392	634.706.366	3.046.710.288	1.630.920.188	479.600.198	41.469.945.432
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	330.282.407.617	1.258.557.961	541.777.015	355.312.166	208.789.517	332.646.844.276
Tại ngày 30/06/2017	326.043.858.564	1.182.033.787	363.953.491	355.385.172	194.922.899	328.140.153.913

(*) Trong đó, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm của xi nghiệp BOT là :

335.800.225.168 - 1.044.195.455 = 229.830.000 - 337.074.250.623

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 713.562.167 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đang sử dụng tại Công ty.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	185.462.363.350		-	185.462.363.350
Cơ sở hạ tầng	290.604.804.978		-	290.604.804.978
Cộng	476.067.168.328		-	476.067.168.328
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	175.176.963.761	244.890.466	-	175.421.854.227
Cơ sở hạ tầng	249.494.833.395	348.783.909	-	249.843.617.304
Cộng	424.671.797.156	593.674.375	-	425.265.471.531
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	10.285.399.589			10.040.509.123
Cơ sở hạ tầng	41.109.971.583			40.761.187.674
Cộng	51.395.371.172			50.801.696.797



CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán :				
Hội đồng bồi thường huyện Châu Đức	10.404.520.076	10.404.520.076	16.508.983.956	16.508.983.956
Công Ty TNHH Koastal Eco Industries	2.120.175.558	2.120.175.558	4.240.175.558	4.240.175.558
Công ty CP Cơ Giới và Xây Lấp Số 9	3.911.205.357	3.911.205.357	4.156.325.753	4.156.325.753
Công Ty TNHH Xây Dựng Trường An Thịnh	2.514.164.925	2.514.164.925		
Công ty TNHH Xây Dựng Công Nghiệp và Dân Dụng Hợp Lực	2.350.221.485	2.350.221.485	155.312.679	155.312.679
Phải trả cho các đối tượng khác (còn lại)	4.928.026.536	4.928.026.536	11.255.489.039	11.255.489.039
Cộng	26.228.313.937	26.228.313.937	36.316.286.985	36.316.286.985

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.11. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp nhà nước**

Diễn giải	01/01/2017	Số thuế phải nộp PS trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	VND 30/06/2017
Thuế Giá trị Gia tăng	(65.388.571)	5.497.123.570	5.497.123.570	(65.388.571)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	29.385.606	177.099.999	175.787.878	30.697.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp	742.625.637	875.932.241	1.180.019.532	438.538.346
Thuế thu nhập cá nhân	79.130.700	400.893.332	314.992.700	165.031.332
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	
Cộng	785.753.372	6.955.049.142	7.171.923.680	568.878.834

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.12. Chi phí phải trả dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí trích trước giá vốn cho thuê KCN Châu Đức	19.918.025.000	19.918.025.000
Cộng	19.918.025.000	19.918.025.000

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Cổ tức phải trả	42.612.263.951	10.478.789.501
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.495.342.804	5.235.017.617
Cộng	52.107.606.755	15.713.807.118

5.14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là tiền cho thuê đất nhận trước nhiều năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1,

Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.15. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	37.842.583.441	37.842.583.441		17.750.100.000	55.592.683.441	55.592.683.441
Vay dài hạn	547.786.116.344	547.786.116.344			547.786.116.344	547.786.116.344
Cộng	585.628.699.785	585.628.699.785		17.750.100.000	603.378.799.785	603.378.799.785

Vay ngắn hạn là khoản tiền vay ngân hàng phải trả trong năm 2017 theo lịch trả nợ vay theo các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng.

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 7% đến 9,3%/năm. Thời gian vay từ 5 năm đến 10 năm.

Tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn trên bao gồm:

- Quyền thu phí từ tháng 08/2011 đến 31/12/2045 của trạm thu phí 2a và 2b trên đường Đồng Khởi và trạm thu phí 4a trên đường vào nhà máy nước Thiện Tân của dự án BOT, quyền thu phí tại trạm số 1 và trạm số 3 thuộc dự án Đường BOT – Đường 768.
- Tài sản của KCN Châu Đức _ Xem thêm mục 5.6.



CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1,

Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.16. Vốn chủ sở hữu****5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND		
Tại ngày 01/01/2016	1.000.000.000.000	5.407.250.000	11.141.942.378	22.283.884.756	64.478.705.022	1.103.311.782.156	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	44.139.937.545	44.139.937.545	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	6.602.000.000	(6.602.000.000)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.732.000.000)	(7.732.000.000)	
Cổ tức	-	-	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)	
Tại ngày 01/01/2017	1.000.000.000.000	5.407.250.000	11.141.942.378	28.885.884.756	44.284.642.567	1.089.719.719.701	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	19.103.437.564	19.103.437.564	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(4.242.255.000)	(4.242.255.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)	
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 30/06/2017	1.000.000.000.000	5.407.250.000	11.141.942.378	28.885.884.756	19.145.825.131	1.064.580.902.265	

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty phát triển Khu Công Nghiệp	468.400.000.000	468.400.000.000
Công ty Cơ điện lạnh REE	104.635.000.000	104.635.000.000
Công ty CP Sonadezi Long Thành	100.800.000.000	100.800.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai	28.000.000.000	28.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	298.165.000.000	298.165.000.000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

5.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2017	28.885.884.756	11.141.942.378
Trích trong kỳ		-
Tại ngày 30/06/2017	28.885.884.756	11.141.942.378

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	01/01/2016- 30/06/2016 VND	01/01/2016- 30/06/2016 VND
Doanh thu cho thuê đất, phí quản lý và các dịch vụ HT	8.687.263.410	18.639.998.212
Doanh thu dịch vụ và tư vấn giám sát	1.301.567.811	983.348.906
Doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao	1.024.866.641	837.302.721
Doanh thu kinh doanh thu phí đường bộ	28.424.297.363	24.494.615.000
Doanh thu xử lý nước thải	71.812.800	
Doanh thu khác	41.744.330	
Cộng	39.551.552.355	44.955.264.839

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2. Giá vốn hàng bán	01/01/2017	01/01/2016
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn trích trước cho thuê đất và dịch vụ hạ tầng	1.941.913.425	5.593.180.545
Giá vốn dịch vụ và tư vấn giám sát	584.808.361	425.553.780
Giá vốn hoạt động Khu dịch vụ thể dục thể thao	1.558.455.018	1.478.353.450
Giá vốn kinh doanh thu phí đường bộ	10.501.473.627	12.539.319.371
Giá vốn hoạt động xử lý nước thải	487.890.376	
Cộng	15.074.540.807	20.036.407.146
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính	01/01/2017	01/01/2016
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.318.529.234	6.449.075.286
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.460.725.000	1.200.000.000
Cộng	7.779.254.234	7.649.075.286
6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	01/01/2017	01/01/2016
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.660.338.568	3.051.339.130
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.567.563	130.158.914
Chi phí khấu hao	449.456.196	421.433.520
Thuế, phí, lệ phí	103.392.056	41.976.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.184.970.570	1.168.607.681
Chi phí bằng tiền khác	615.807.027	573.156.397
Cộng	6.073.531.980	5.386.672.017
6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	01/01/2017	01/01/2016
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	19.979.369.805	20.033.577.140
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng		12.424.495.849
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.460.725.000)	(1.200.000.000)
Thu nhập chịu thuế, bao gồm:	17.518.644.805	31.258.072.989
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 10%	21.255.122.797	20.267.848.963

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 20%	(3.736.477.992)	10.990.224.026
Chi phí thuế TNDN trước giảm và điều chỉnh	1.751.864.480	4.224.829.702
Thuế TNDN được miễn, giảm	(875.932.239)	(877.218.215)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	875.932.241	3.347.611.487

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động cho thuê đất và các dịch vụ hạ tầng
- Hoạt động dự án BOT
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1

Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016**

	Hoạt động cho thuê đất và các DVHT	Hoạt động dự án BOT	Hoạt động tài chính	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	18.639.998.212	24.494.615.000	7.649.075.286	1.820.651.627	52.604.340.125
Từ khách hàng bên ngoài					
Giữa các bộ phận	18.639.998.212	24.494.615.000	7.649.075.286	1.820.651.627	52.604.340.125
Cộng					
Kết quả HKKD	13.046.817.667	11.955.295.629	806.209.644	(83.255.603)	25.725.067.337
Kết quả của bộ phận	3.378.062.561		1.906.901.514	406.526.122	5.691.490.197
CP bán hàng & QLDN					
Thu nhập khác	9.668.755.106	11.955.295.629	(1.100.691.870)	(489.781.725)	20.033.577.140
LN kế toán trước thuế	1.110.605.105	739.089.813			1.849.694.918
CP thuế TNDN HH	8.558.150.001	11.216.205.816	(1.100.691.870)	(489.781.725)	18.183.882.222
Lợi nhuận sau thuế					

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1

Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017**

	Hoạt động cho thuê đất và các DVHT	Hoạt động dự án BOT	Hoạt động tài chính	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	8.759.076.210	28.424.297.363	7.779.254.234	2.368.178.782	47.330.806.589
Từ khách hàng bên ngoài					-
Giữa các bộ phận					-
Cộng	8.759.076.210	28.424.297.363	7.779.254.234	2.368.178.782	47.330.806.589
Kết quả HĐKD					-
Lãi gộp của bộ phận	6.329.272.409	17.922.823.736	1.988.730.923	224.915.403	26.465.742.471
CP bán hàng & QLDN	2.996.973.348		2.679.683.193	812.917.088	6.489.573.629
Thu nhập khác				3.200.963	3.200.963
LN kế toán trước thuế	3.332.299.061	17.922.823.736	(690.952.270)	(584.800.722)	19.979.369.805
CP thuế TNDN HH		875.932.241			875.932.241
Lợi nhuận sau thuế	3.332.299.061	17.046.891.495	(690.952.270)	(584.800.722)	19.103.437.564

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng công ty phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Công trình giao thông Đồng Nai	Công ty thành viên trong Tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty thành viên trong Tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty thành viên trong Tập đoàn
5. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	Công ty thành viên trong Tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty thành viên trong Tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty thành viên trong Tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty thành viên trong Tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	Công ty thành viên trong Tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Điện Cơ Đồng Nai	Công ty thành viên trong Tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty thành viên trong Tập đoàn
12. Trường Cao đẳng Công nghệ và QT Sonadezi	Công ty thành viên trong Tập đoàn
13. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả:		
Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	(7.750.240)	
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Đồng Nai	(326.788.186)	(326.788.186)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(41.659.578)	(1.663.379.407)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	(667.900.000)	(45.031.800)
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	(207.900.000)	(138.600.000)
Cộng	(1.251.998.004)	(2.173.799.393)
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	52.755.764	
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	85.907.360	
Cộng –	138.663.124	

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	01/01/2017 30/06/2017 VND	01/01/2016 30/06/2016 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	336.690.000	252.750.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	1.613.920.000	1.613.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC

Địa chỉ: Tầng 9, Cao Ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	722.806.828	67.266.210
Công ty CP Sonadezi Long Thành	2.878.040.662	2.878.040.662
Công ty CP Sonadezi Long Bình	688.833.200	688.833.200
Công ty CP Sonadezi An Bình	85.907.360	85.907.360
Cộng	6.326.198.050	5.586.717.432

01/01/2017	01/01/2016
30/06/2017	30/06/2016
VND	VND

Mua hàng:

Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	450.821.380	445.458.964
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	4.721.325	4.708.100
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	8.527.793.197	522.931.912
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	533.112.580	91.994.100
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	1.108.800.000	554.400.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

01/01/2017	01/01/2016
30/06/2017	30/06/2016
VND	VND

Thù lao và thu nhập	1.226.996.668	1.080.286.668
---------------------	---------------	---------------

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Nguồn vốn 300.000.000.000 VND thông qua việc phát hành cổ phiếu của ĐHCĐ Công ty để tăng vốn điều lệ theo Quyết định số 147/QĐ-SZC-ĐHCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2014 đã được giải ngân đến ngày 30/06/2017 như sau:

Đầu tư vào KCN Châu Đức		Dự án BOT 768		VND
Kế hoạch đầu tư	Đã giải ngân	Kế hoạch đầu tư	Đã giải ngân	
270.000.000.000	112.684.586.571	30.000.000.000	27.214.815.926	



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày tháng 07 năm
2017

Nguyễn Thị Quỳnh Hoa
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thúy Hằng
Người lập